



Flashcardo.com

Мы надеемся, что эти печатные карточки будут полезны для вас. Чтобы найти ещё больше карточек, зайдите на наш сайт www.flashcardo.com/ru. На Flashcardo.com мы предоставляем онлайн-карточки, карточки с интервальным повторением, видео-карточки и многое другое. Всё бесплатно и готово к использованию учащимися по всему миру.

Авторские права, лицензионные примечания

Этот PDF защищён законом об авторском праве, и все права защищены. Вы можете свободно делиться этим PDF с кем угодно. Однако вам не разрешается продавать этот PDF или его содержимое. Если у вас есть вопросы, пожалуйста, зайдите на www.flashcardo.com/ru, чтобы связаться с нами. Спасибо!

Отказ от ответственности

ДАННЫЙ PDF ПРЕДОСТАВЛЯЕТСЯ «КАК ЕСТЬ», БЕЗ КАКИХ-ЛИБО ГАРАНТИЙ, ЯВНЫХ И ПОДРАЗУМЕВАЕМЫХ, ВКЛЮЧАЯ, НО НЕ ОГРАНИЧИВАЯСЬ ГАРАНТИЯМИ ТОВАРНОЙ ПРИГОДНОСТИ, СООТВЕТСТВИЯ КОНКРЕТНОЙ ЦЕЛИ И НЕНАРУШЕНИЯ ПРАВ. НИ ПРИ КАКИХ ОБСТОЯТЕЛЬСТВАХ АВТОРЫ И ПРАВООБЛАДАТЕЛИ НЕ НЕСУТ ОТВЕТСТВЕННОСТИ ЗА КАКИЕ-ЛИБО ПРЕТЕНЗИИ, УБЫТКИ ИЛИ ИНУЮ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ, НЕЗАВИСИМО ОТ ТОГО, ВОЗНИКАЮТ ЛИ ОНИ В РЕЗУЛЬТАТЕ ДОГОВОРА, ДЕЛИКТА ИЛИ ИНЫМ ОБРАЗОМ, ВОЗНИКШИЕ ИЗ, ИЗ-ЗА ИЛИ В СВЯЗИ С ЭТИМ PDF, ЕГО ИСПОЛЬЗОВАНИЕМ ИЛИ ИНЫМИ ДЕЙСТВИЯМИ С НИМ.

Авторские права © 2025 Flashcardo.com. Все права защищены

Двусторонняя печать

Обратите внимание, что эти карточки предназначены для двусторонней печати. Если ваш принтер не поддерживает двустороннюю печать, пожалуйста, скачайте PDF-файлы с отдельными карточками для печати.

я

ты

он

она

оно

мы

вы

они

что
вопрос

кто

где

зачем

как

какой

когда

тогда

если

на самом деле
действительно

но

потому что

не

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

это

Мне нужно это

Сколько это стоит?

что
это

все
вообще

или

и

знать

Я знаю

Я не знаю

думать

приходить

класть

брать

находить

слушать

работать

говорить

давать

нравиться

помогать

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

любить

звонить

ждать

Ты мне нравишься

Мне это не нравится

Ты любишь меня?

Я люблю тебя

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

một

không

Tôi yêu bạn

bốn

ba

hai

bảy

sáu

năm

mười

chín

tám

mười ba

mười hai

mười một

14

15

16

17

18

19

20

новый

старый
новый

немногие

многие

сколько?
вообще

сколько?
число

неправильный

правильный

плохой

хороший

счастливый

короткий

длинный

маленький

mười sáu

mười năm

mười bốn

mười chín

mười tám

mười bảy

cũ

mới

hai mươi

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

большой

там

здесь

правый

левый

красивый
женщина

молодой

старый
молодой

здравствуйте

увидимся позже

окей

береги себя

не переживай

конечно

добрый день

привет

пока-пока

до свидания

простите

извините

спасибо

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

пожалуйста

я хочу это

сейчас

вторая половина дня

первая половина дня

ночь

утро

вечер

полдень

полночь

час

минута

секунда

день

неделя

месяц

год

время

дата

позавчера

вчера

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

сегодня

завтра

послезавтра

понедельник

вторник

среда

четверг

пятница

суббота

воскресенье

Завтра суббота

жизнь

женщина

мужчина

любовь

парень

девушка

друг

поцелуй

секс

ребенок

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

малыш

девочка

мальчик

мама

папа

мать

отец

родители

сын

дочь

младшая сестра

младший брат

старшая сестра

старший брат

стоять

сидеть

лежать

закрывать
дверь

открывать
дверь

проигрывать

побеждать

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

умирать

жить

включать

выключать

убивать

ранить

трогать

смотреть

пить

есть

гулять

встречаться

держаться пари
спорт

целовать

следовать

жениться

отвечать

спрашивать

вопрос

компания

бизнес

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

kinh doanh

công ty

câu hỏi

работа

деньги

телефон

офис

врач

больница

медсестра

полицейский

президент

белый

черный

красный

синий

зеленый

желтый

медленный

быстрый

смешной

несправедливый

справедливый

сложный

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

легкий
сложный

Это сложно

богатый

бедный

сильный

слабый

безопасный

уставший

гордый

сытый

больной

здоровый

сердитый

низкий
диаграмма

высокий
диаграмма

прямой

каждый

всегда

на самом деле
вообще-то

снова

уже

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

меньше

наиболее

больше

Я хочу еще

никто

очень

животное

свинья

корова

лошадь

собака

овца

обезьяна

кошка

медведь

курица
животное

утка

бабочка

пчела

рыба
животное

паук

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

змея

снаружи

внутри

далекий

близкий

ниже

выше

рядом

передний

задний

сладкий

кислый

странный

мягкий

жесткий

милый

глупый
головой мозг

сумасшедший

занятый

высокий
тело

низкий
тело

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

обеспокоенный

удивленный

крутой
человек

воспитанный

злой

умный

холодный

горячий

голова

нос

волос

рот

ухо

глаз

рука
палец

стопа

сердце

головной мозг

потянуть

толкнуть

нажимать

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

ударить

ловить

бороться

бросать

бежать

читать

писать

ремонттировать

считать

вырезать

продавать

покупать

платить

учиться

мечтать

спать

играть

праздновать

отдыхать

наслаждаться

чистить

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

школа

дом
здание

дверь

муж

жена

свадьба

человек

автомобиль

дом
семья

город

число

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

hai mươi mốt

số

thành phố

ba mươi

hai mươi sáu

hai mươi hai

ba mươi bảy

ba mươi ba

ba mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi mốt

bốn mươi

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

năm mươi mốt

năm mươi

bốn mươi tám

sáu mươi

năm mươi chín

năm mươi lăm

sáu mươi sáu

sáu mươi hai

sáu mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi mốt

bảy mươi

tám mươi mốt

tám mươi

bảy mươi bảy

chín mươi

tám mươi tám

tám mươi bốn

chín mươi chín

chín mươi lăm

chín mươi mốt

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

моя собака

твоя кошка

ее платье

его машина

его мяч

наш дом

ваша команда

их компания

все
человек

вместе

другой

не имеет значения

твое здоровье

расслабься

согласен

добро пожаловать

mười nghìn

một nghìn

một trăm

con chó của tôi

một triệu

một trăm nghìn

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

не беспокойся

поверни направо

поверни налево

езжай прямо

пойдем со мной

яйцо

сыр

молоко

рыба
еда

мясо

овощ

фрукт

кость
еда

масло

хлеб

сахар

шоколад

конфета

торт

напиток

вода

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

сода

кофе

чай

пиво

вино

салат
еда

суп

десерт

завтрак

обед

ужин

пицца

автобус

поезд

железнодорожная станция

автобусная остановка

самолет

корабль

грузовик

велосипед

мотоцикл

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

такси

светофор

автомобильная стоянка

дорога

одежда

ботинок

пальто

свитер

рубашка

куртка

костюм

брюки

платье

футболка

носок

бюстгальтер

трусы

очки

сумка

кошелек

бумажник

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

кольцо

шляпа

часы
рука

карман

Как тебя зовут?

Меня зовут Дэвид

Мне 22 года

Как дела?

Ты в порядке?

Где здесь туалет?

Я скучаю по тебе

весна

лето

осень

зима

январь

февраль

март

апрель

май

июнь

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

июль

август

сентябрь

октябрь

ноябрь

декабрь

покупка

счет

рынок

супермаркет

здание

квартира

университет

ферма

церковь

ресторан

бар

тренажерный зал

парк

туалет
парк

карта

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

скорая помощь

полиция

пистолет

пожарные

страна

пригород

деревня

здоровье

лекарственное средство

авария

пациент

хирургия

пилюля

лихорадка

простуда

рана

прием

кашель

шея

ягодицы

плечо

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

колени

нога

рука
плечо, локоть

живот

грудь

спина

зуб

язык

губа

палец

палец на ноге

желудок

легкое

печень

нерв

почка

кишечник

цвет

оранжевый

серый

коричневый

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

розовый

скучный

тяжелый

легкий
тяжелый

одинокый

голодный

жаждущий

грустный

крутой
холм

плоский

круглый

квадратный

узкий

широкий

глубокий

мелкий

огромный

север

восток

юг

запад

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

грязный

чистый

полный
пустой

пустой

дорогой

дешевый

темный

светлый

сексуальный

ленивый

храбрый

щедрый

красивый
мужчина

уродливый

глупый
смешной

дружелюбный

виновный

слепой

пьяный

влажный

сухой

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

теплый

громкий

тихий
80%

тихий
100%

кухня

ванная

гостиная

спальня

сад

гараж

стена

подвал

туалет
дом

лестница
дом

крыша

окно

нож

чашка

стакан

тарелка

кружка

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

корзина для мусора

миска

телевизор

письменный стол

кровать

зеркало

душ

диван

картина
камера

часы
стена

стол

стул

бассейн
сад

дверной звонок

сосед

потерпеть неудачу

выбирать

стрелять

голосовать

падать

защищать

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

атаковать

красть

жечь

спасать

курить

летать

носить

плевать

пинать

кусать

дышать

нюхать

плакать

петь

улыбаться

смеяться

расти

уменьшаться

спорить

угрожать

делиться

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

кормить

прятаться

предупреждать

плавать

прыгать

сворачивать

поднимать

копать

копировать

доставлять

искать

тренироваться

путешествовать

рисовать

принимать душ

открывать
запóр

закрывать
запóр

мыть

молиться

готовить

книга

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

библиотека

домашнее задание

экзамен

урок

наука

история

изобразительное искусство

английский язык

французский язык

ручка

карандаш

3%

первый

второй

третий

четвертый

результат

квадрат

круг

площадь

исследование

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

ba phần trăm

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

nguyên cứu

diện tích

hình tròn

степень

бакалавр

магистр

$x < y$

$x > y$

стресс

страхование

персонал

отдел

зарплата

адрес

письмо

капитан

детектив

пилот

профессор

учитель

адвокат

секретарь

помощник

судья

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

x lớn hơn y

x nhỏ hơn y

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

директор

менеджер

повар

водитель такси

водитель автобуса

преступник

модель

художник

номер телефона

сигнал

приложение

чат

файл

URL

адрес электронной почты

веб-сайт

электронная почта

мобильный телефон

закон

тюрьма

доказательство

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

штраф

свидетель

суд

подпись

потеря

прибыль

клиент

сумма

кредитная карточка

пароль

банкомат

бассейн
спорт

ток

камера

радио

подарок

бутылка

пакет

ключ

кукла

ангел

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

расческа

зубная паста

зубная щетка

шампунь

крем

бумажная салфетка

губная помада

ТВ

кино

новости

место

билет

экран
кино

музыка

сцена

зритель

картина
искусство

шутка

статья

газета

журнал

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

реклама

природа

пепел

огонь

алмаз

Луна

Земля

солнце

звезда

планета

вселенная

побережье

озеро

лес

пустыня

холм

утес

река

долина

гора

остров

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

океан

море

погода

лед

снег

буря

дождь

ветер

растение

дерево

травы

роза

цветок

газ

металл

золото

серебро

Серебро дешевле золота

Золото дороже серебра

отпуск

член

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

гостиница

пляж

гость

день рождения

Рождество

Новый год

Пасха

дядя

тетя

бабушка
отец

дедушка
отец

бабушка
мать

дедушка
мать

смерть

могила

развод

невеста

жених

101

105

110

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

một trăm mười

một trăm linh năm

một trăm linh một

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

hai trăm linh hai

hai trăm

một trăm năm mươi mốt

hai trăm sáu mươi hai

hai trăm hai mươi

hai trăm linh sáu

ba trăm linh bảy

ba trăm linh ba

ba trăm

bốn trăm

ba trăm bảy mươi ba

ba trăm ba mươi

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm linh tám

bốn trăm linh bốn

năm trăm linh năm

năm trăm

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm chín mươi lăm

năm trăm năm mươi

năm trăm linh chín

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

тигр

sáu trăm linh sáu

sáu trăm linh một

sáu trăm

bảy trăm

sáu trăm sáu mươi

sáu trăm mười sáu

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm linh bảy

bảy trăm linh hai

tám trăm linh ba

tám trăm

bảy trăm bảy mươi

tám trăm tám mươi

tám trăm ba mươi tám

tám trăm linh tám

chín trăm linh chín

chín trăm linh bốn

chín trăm

con hổ

chín trăm chín mươi

chín trăm bốn mươi chín

МЫШЬ
животное

крыса

кролик

лев

осел

слон

птица

петух

голубь

гусь

насекомое

жук

комар

муха

муравей

кит

акула

дельфин

улитка

лягушка

часто

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

немедленно

вдруг

хотя

гимнастика

теннис

бег

езда на велосипеде

гольф

катание на коньках

футбол

баскетбол

плавание

дайвинг

пеший туризм

Великобритания

Испания

Швейцария

Италия

Франция

Германия

Таиланд

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Сингапур

Россия

Япония

Израиль

Индия

Китай

Соединенные Штаты
Америки

Мексика

Канада

Чили

Бразилия

Аргентина

Южная Африка

Нигерия

Марокко

Ливия

Кения

Алжир

Египет

Новая Зеландия

Австралия

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

Африка

Европа

Азия

Америка

четверть часа

полчаса

три четверти часа

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

час ночи

два часа дня

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

hai giờ năm phút

một giờ

bốn mươi lăm phút

năm giờ hai mươi

bốn giờ mười lăm

ba giờ mười phút

tám giờ ba mươi lăm

bảy giờ rưỡi

sáu giờ hai mươi năm

mười hai giờ kém mười

mười một giờ kém mười năm

mười giờ kém hai mươi

hai giờ chiều

một giờ sáng

một giờ kém năm

на прошлой неделе

на этой неделе

на следующей неделе

в прошлом году

в этом году

в следующем году

в прошлом месяце

в этом месяце

в следующем месяце

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

лоб

морщина

подбородок

щека

борода

ресницы

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

бровь

талия

затылок

грудная клетка

большой палец

мизинец

безымянный палец

средний палец

указательный палец

запястье

ноготь

пятка

позвоночник

мышца

кость
тело

скелет

ребро

позвонок

мочевой пузырь

вена

артерия

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàn quang

влагалище

сперма

пенис

яичко

сочный

острый

соленый

сырой

вареный

застенчивый

жадный

строгий

глухой

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc